

uigeli.xyz
ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II-ĐỀ 1
NĂM HỌC 2023-2024
Môn: Ngữ văn 10

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc câu chuyện sau:

Có một người đàn ông miệt mài đào đất. Cái hố ông đào cứ sâu dần, một dòng nước chảy ra và dưới đó, cuối cùng đã lộ ra một lớp đất sét màu xanh. “Đây là thứ mình cần” – người đàn ông reo lên, hăng hái xúc đầy những xô đất sét.

Có lẽ ông ta đã đào đến cả ngàn xô đất cho đến khi bên cạnh cái hố mọc lên một đồng đất sét cao ngút. Lúc ấy người đàn ông mới yên tâm chui lên từ cái hố, lúc này đã là một cái giếng khá sâu. Sau khi cất gọt đi những mẩu đất thừa, người đàn ông bắt đầu hì hục nặn tượng chính mình.

Sau ba ngày lao động cật lực, bức tượng đã được hoàn thành. Người đàn ông chăm chú ngắm nhìn nó và mỉm cười mãn nguyện: “Rồi mai đây nhiều thế hệ sẽ ngắm bức tượng này và nhớ đến ta. Giờ thì ta có thể yên tâm chết được rồi”.

Năm tháng qua đi. Vào một buổi trưa hè nóng bức, khi múc một xô nước mát lạnh lên uống cho dịu cơn khát, một đám khách qua đường quay sang nhìn đồng đất sét lùm lùm bên cạnh và nói với nhau: “Ai đã đào cái giếng này quả là một con người tuyệt vời”.

(Bức tượng, S. Antov, Hà Việt Anh dịch,
100 truyện cực ngắn thế giới, NXB Hội Nhà Văn)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng ở câu chuyện trên là: (0,5 điểm)

- A. Miêu tả
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 2. Câu chuyện trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Đan xen giữa ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Nhân vật chính trong câu chuyện trên là ai? (0,5 điểm)

- A. Người đàn ông
- B. Người qua đường
- C. Người kể chuyện
- D. Cả A và B

Câu 4. Đầu là sự kiện chính của câu chuyện nói trên? (0,5 điểm)

- A. Người đàn ông đào giếng
- B. Người đàn ông đào đất để nặn tượng chính mình
- C. Người qua đường biết ơn người đào giếng
- D. Người qua đường múc nước giếng để uống

Câu 5. Tâm nguyện của người đàn ông trong câu chuyện là gì? (0,5 điểm)

- A. Đào giếng để người khác có nước uống
- B. Đào giếng để lấy đất sét nặn tượng
- C. Nặn tượng để người đời sau nhớ tới mình
- D. Nặn tượng để ngắm chính mình

Câu 6. Đầu là tình tiết gây bất ngờ cho câu chuyện?

- A. Tình tiết người đàn ông đào giếng
- B. Tình tiết người đàn ông nặn tượng
- C. Tình tiết người qua đường múc nước uống
- D. Tình tiết người qua đường ca ngợi người đào giếng

Câu 7. Theo bạn, hình ảnh cái giếng nước biểu tượng cho: (0,5 điểm)

- A. Sự hy sinh
- B. Sự cho đi
- C. Sự cống hiến
- D. Sự ban ơn

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Thông điệp nào từ câu chuyện có ý nghĩa nhất đối với bạn? Vì sao? (0,5 điểm)

Câu 9. Hình ảnh “đống đất sét lùm lùm” bên cạnh cái giếng gợi cho bạn suy nghĩ gì? (1,0 điểm)

Câu 10. Hãy viết khoảng 5 - 7 dòng trình bày suy nghĩ của bạn về giá trị đích thực của cuộc sống. (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN

Viết bài luận về một niềm đam mê của bản thân.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0.5
	2	C	0.5
	3	A	0.5
	4	B	0.5
	5	C	0.5
	6	D	0.5
	7	B	0.5
	8	Học sinh tự do lựa chọn thông điệp, miễn là có lí giải phù hợp. Tham khảo: - Thông điệp ý nghĩa nhất: Ý nghĩa, giá trị thực sự của cuộc sống mỗi người nằm ở những gì mà ta đã cho đi, bức tượng đẹp nhất và vĩnh cửu nhất chính là những gì tốt đẹp mà ta đã làm cho người khác. - Lí giải: Vì khi ta cho đi, ta đã đem đến niềm vui, lợi ích cho người khác, và do vậy, ta sẽ được người khác trân trọng, yêu thương và ghi nhớ mãi.	0.5
	9	Hình ảnh “đống đất sét lùm lùm” bên cạnh cái giếng có ý nghĩa là: những gì ta làm chỉ vì lợi ích của bản thân ta cũng sẽ nhanh chóng rơi vào quên lãng; và một con người sống ích kỉ thì khi họ ra đi, cũng sẽ chẳng còn ai nhớ đến họ với lòng yêu thương.	1.0
	10	Tham khảo: - Giá trị đích thực của cuộc sống nằm ở sự cho đi, sự cống hiến, ở việc sống vì người khác, vì cộng đồng. - Chỉ khi ta sống vì người khác, ta mới thấy được sự thanh thản và hạnh phúc từ nội tâm - Ta sẽ nhận được sự yêu thương, quý trọng từ người khác - Do vậy, ta cũng sẽ làm giàu có cho tâm hồn và cuộc đời của chính mình.	1.0
II		VIẾT	4,0

	a. Đảm bảo cấu trúc bài luận về bản thân.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Luận về một niềm đam mê của bản thân.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: 1. Giới thiệu về niềm đam mê của bản thân và mục đích viết bài luận. 2. Nói về đam mê của bản thân: - Vì sao bản thân lại có đam mê đó? - Bạn sẽ làm gì để làm cho niềm đam mê đó thành hiện thực? - Bạn nghĩ niềm đam mê đó có phải là đam mê lớn nhất của cuộc đời bạn không? 3. Khẳng định lại những điểm chính trong bài viết, nêu lên suy ngẫm, bài học, kêu gọi hành động, gợi mở suy nghĩ cho người đọc.	2,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II-ĐỀ 2
NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Ngữ văn 10

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

(1) “Có cả cuộc đời rồi bỗng nhớ
Những đoạn đường xa lắc tuổi thơ đi
Bàn chân nhỏ băng qua đồng, qua ruộng
Tiếng trống trường giục giã những mùa thi.

(2) Vừa mới đấy đã bao năm cách biệt
Bạn bè ơi giờ ở những nơi đâu
Nghe tiếng trống sao chẳng về tụ lại
Trước sân trường ríu rít nắm tay nhau.

(3) SAO CHẴNG THỂ MỘT LẦN NHƯ THỂ NỮA?
Ngồi chung bàn chung ghế như xưa
Lại hồi hộp ngó bảng đen phấn trắng
Cho mắt nhìn thăm lại chút ngây thơ.

(4) SAO CHƯA ĐẾN TÌM NHAU BÈ BẠN?
Bao năm ròng trọ học thối cơm chung
Hãy ngồi lại thêm một lần so đũa
Nghe tiếng cười trai gái rộn quanh mâm.

(5) SAO KHÔNG THỂ CÙNG VỀ THĂM THẦY CŨ?
Ôi cái trống da trâu thay bọc lại bao lần

Giờ mới biết từng hồi trống ấy
Làm tóc thầy từng sợi bạc rung rung

(6) Có cả cuộc đời rồi sẽ nhớ
Những đoạn đường xa lắc tuổi thơ đi."
(Tiếng trống trường – Chữ Văn Long)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

- A. Tự do
- B. Bảy chữ
- C. Tám chữ
- D. Lục bát

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ là gì? (0,5 điểm)

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Nghị luận
- D. Thuyết minh

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ viết in hoa? (0,5 điểm)

- A. Ẩn dụ
- B. Nhân hóa
- C. Điệp cấu trúc
- D. So sánh

Câu 4. Câu thơ nào sau đây nói về sự trôi chảy của thời gian? (0,5 điểm)

- A. Tiếng trống trường giục giã những mùa thi.
- B. Trước sân trường ríu rít nắm tay nhau.
- C. Cho mắt nhìn thăm lại chút ngây thơ.
- D. Nghe tiếng cười trai gái rộn quanh mâm.

Câu 5. Dòng nào dưới đây diễn tả đúng tâm trạng của nhân vật trữ tình trong khổ (1) và khổ (2)? (0,5 điểm)

- A. Nỗi nhớ về thầy cô và trường lớp
- B. Nỗi nhớ về tuổi thơ
- C. Nỗi nhớ về tuổi học trò và bạn bè thời cấp sách
- D. Nỗi nhớ về mối tình thuở học trò

Câu 6. Dòng nào dưới đây diễn tả đúng tâm trạng của nhân vật trữ tình trong khổ (3), (4)? (0,5 điểm)

- A. Nỗi khát khao được sống lại những năm tháng của tuổi học trò
- B. Niềm vui mừng khi được thăm lại bạn cũ, trường xưa
- C. Nỗi buồn vì phải xa bạn bè, trường lớp
- D. Nỗi nhớ khôn nguôi về mối tình đầu

Câu 7. Dòng nào sau đây nói về cảm xúc chủ đạo của bài thơ? (0,5 điểm)

- A. Nỗi nhớ về người thầy giáo cũ
- B. Nỗi nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ
- C. Nỗi nhớ về tuổi học trò và ước mong được sống lại thời tươi đẹp ấy
- D. Nỗi nhớ về bạn bè thời cấp sách

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Bạn hiểu thế nào về ý nghĩa của hai dòng thơ: “Giờ mới biết từng hồi trống ấy/ Làm tóc thầy từng sợi bạc rung rung”? (0,5 điểm)

Câu 9. Kỉ niệm nào trong bài thơ gây xúc động nhất đối với bạn? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 10. Theo bạn, điều gì là đáng nhớ nhất trong những năm tháng cấp sách tới trường? (Viết khoảng 5 - 7 dòng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Bạn hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề của bài thơ trên.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0.5
	2	B	0.5
	3	C	0.5
	4	A	0.5
	5	C	0.5
	6	A	0.5
	7	C	0.5
	8	Ý nghĩa của hai dòng thơ: “Giờ mới biết từng hồi trống ấy/ Làm tóc thầy từng sợi bạc rung rung” : - Nhận ra sự vất vả, cực nhọc, nhận ra công lao của người thầy năm xưa đối với học trò. - Sự áy náy, day dứt vì đã không nhận ra điều đó sớm hơn.	0.5
	9	Học sinh tự do lựa chọn một kỉ niệm mà bản thân cho là gây xúc động nhất và có lý giải thuyết phục. Gợi ý: Kỉ niệm về bạn bè, về những giờ học, những bữa cơm chung, kỉ niệm về người thầy giáo cũ...	1.0
	10	Học sinh tự do trình bày điều mà bản thân cảm thấy đáng nhớ nhất trong những năm tháng cấp sách tới trường, miễn là nội dung đưa ra không lạc đề, xa đề, không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Gợi ý: - Nhớ về thầy cô giáo - Nhớ về một tiết học - Nhớ về một người bạn v.v...	1.0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Phân tích, đánh giá chủ đề của bài thơ.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: 1. Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại...; nêu nội dung cần phân tích, đánh giá. 2. Phân tích chủ đề của bài thơ: Bài thơ là nỗi hoài niệm thiết tha về một thời cấp sách tới trường, nỗi ước mong cháy bỏng được sống lại quãng đời tươi đẹp ấy, đồng thời nó cũng là sự tiếc nuối không nguôi khi biết rằng thời gian sẽ không trở lại bao giờ. - Nỗi hoài niệm thiết tha về một thời cấp sách: Nỗi nhớ bỗng chợt ùa về kéo theo những kỉ niệm: con đường tới trường, tiếng trống, mùa thi, bạn bè, mái trường, những tiết học, những buổi trọ học thổi cơm chung, người thầy giáo cũ...	2.5

	<p>- Nỗi ước mong cháy bỏng được thể hiện qua hàng loạt các câu hỏi được lặp lại: “Sao chẳng thể thêm một lần gặp nữa”, “Sao chưa đến tìm nhau bè bạn”, “Sao không thể cùng về thăm thầy cũ”...</p> <p>- Nhưng những cụm từ như “sao chẳng thể”, “sao chưa đến”, “sao không thể” cũng đồng thời nhấn mạnh rằng: dù có ước mong cháy bỏng đến bao nhiêu đi chăng nữa, cũng không thể quay về quá khứ, không thể sống lại được một thời đã qua. Bài thơ, do vậy, cũng gợi lên trong ta những bùi ngùi, nhớ tiếc.</p> <p>3. Đánh giá chủ đề của bài thơ:</p> <p>- Nỗi hoài niệm về một thời cấp sách là một chủ đề quen thuộc trong thơ ca, nhưng Chữ Văn Long vẫn đem đến cho ta những rung động mãnh liệt nhờ vào cảm xúc chân thành tự đáy lòng của nhà thơ, nhờ vào việc gợi nhắc lại những hình ảnh đã trở thành ký ức chung của rất nhiều thế hệ học trò.</p> <p>- Bài thơ cho thấy tác giả là một con người có tâm hồn sâu sắc, nặng lòng với quá khứ, với tuổi học trò.</p> <p>- Bài thơ cũng nhắc nhở mỗi chúng ta hãy biết trân trọng những khoảnh khắc còn được ngồi trên ghế nhà trường, để mai này khi xa rồi sẽ không nuối tiếc.</p> <p>4. Khẳng định lại một cách khái quát về chủ đề của bài thơ; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức bài thơ.</p>	
	d. Chính tả, ngữ pháp	0,25
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II-ĐỀ 3
NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Ngữ văn 10

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo

Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mật trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

(2) Đó là mùa không thể giấu che

Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng
Biển xanh thẳm, cánh buồm lồng lộng trắng
Từ những miền cay đắng hóa thành thơ.

(3) Đó là mùa của những ước mơ

Những dự vọng muôn đời không kể xiết
Gió bão hòa, mưa thành sông thành bể
Một thoáng nhìn có thể hóa tình yêu

(4) Đó là mùa của những buổi chiều

Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức

Tiếng cuộc dồn thúc giục nắng đang trưa

(5) Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa

Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết

Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển

Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.

(Mùa hạ - Xuân Quỳnh, Thơ Xuân Quỳnh, NXB Văn học, 2016, tr. 34)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

- A. Thơ tự do
- B. Thơ tám chữ
- C. Thơ lục bát
- D. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ in đậm: (0,5 điểm)

- A. Ẩn dụ
- B. So sánh
- C. Điệp cấu trúc
- D. Nói quá

Câu 3. Câu thơ nào sau đây thể hiện sự biến chuyển của cây trái trong mùa hạ? (0,5 điểm)

- A. Đất thành cây, mặt trào lên vị quả
- B. Từ những miền cay đắng hóa thành thơ.
- C. Gió bão hòa, mưa thành sông thành bể.
- D. Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao vút.

Câu 4. Khổ (4) bài thơ miêu tả những âm thanh nào? (0,5 điểm)

- A. Tiếng mưa rơi và tiếng cuộc.
- B. Tiếng bước chân người và chim reo.
- C. Tiếng sáo diều và sóng biển.
- D. Tiếng dế và tiếng cuộc.

Câu 5. Dòng nào dưới đây thể hiện đầy đủ những đặc điểm của bức tranh mùa hạ trong khổ thơ (1) và khổ thơ (2)? (0,5 điểm)

- A. Mùa hạ rực rỡ, căng tràn sức sống.
- B. Mùa hạ xôn xao của tiếng chim reo, của sắc biếc trời xanh, của nắng vàng rực rỡ, cây cối trưởng thành cho đời mật ngọt, của biển xanh buồm trắng tinh khiết.
- C. Mùa hạ đẹp đẽ, trong sáng, tinh khiết với biển xanh, buồm trắng.
- D. Mùa hạ rực rỡ, nên thơ, tinh khiết khiến tâm hồn con người nhẹ nhàng, bay bổng.

Câu 6. Trong khổ thơ (3), mùa hạ gắn với giai đoạn nào của cuộc đời con người? (0,5 điểm)

- A. Thời thơ ấu hồn nhiên, trong sáng và đẹp đẽ
- B. Giai đoạn trưởng thành nhiều thăng trầm, thử thách
- C. Tuổi già thâm trầm, từng trải
- D. Tuổi trẻ nhiều đam mê, khát vọng, hoài bão

Câu 7. Chọn phương án trả lời đúng nhất tâm trạng của nhân vật trữ tình trong khổ thơ (5): (0,5 điểm)

- A. Thảng thốt, tiếc nuối khi mùa hạ đã đi qua
- B. Thảng thốt, tiếc nuối khi mùa hạ của mình đã qua và mong muốn níu giữ những khát khao tuổi trẻ
- C. Thảng thốt, tiếc nuối tuổi trẻ và tin tưởng dù năm tháng qua đi nhưng những khát khao, ước mơ vẫn còn mãi
- D. Tin tưởng dù năm tháng đi qua nhưng những khát khao, ước mơ vẫn còn mãi

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Thông điệp nào trong bài thơ có ý nghĩa nhất đối với bạn? Vì sao? (0,5 điểm)

Câu 9. Câu thơ Bước chân người bỗng mở những đường đi gọi lên trong bạn suy nghĩ gì về sức mạnh của con người trong cuộc sống? (1,0 điểm)

Câu 10. Nét độc đáo của Xuân Quỳnh trong bài thơ là từ mùa hạ của thiên nhiên đã liên hệ đến mùa hạ của đời người. Bạn hãy viết đoạn văn khoảng 5- 7 dòng làm sáng rõ nét độc đáo ấy. (1,0 điểm)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Bạn hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ trên.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0.5
	2	C	0.5
	3	A	0.5
	4	D	0.5
	5	B	0.5
	6	D	0.5
	7	C	0.5
	8	Học sinh trình bày thông điệp ý nghĩa nhất với bản thân. Thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của bài thơ và mang tính đạo đức, thẩm mỹ.	0.5
	9	Câu thơ <i>Bước chân người bỗng mở những đường đi</i> gọi lên trong bạn suy nghĩ gì về sức mạnh của con người làm nên những điều mới mẻ, lớn lao, mở ra những con đường mới...	1.0
	10	- Học sinh làm sáng rõ được ý: từ mùa hạ rực rỡ của thiên nhiên liên hệ tuổi trẻ của đời người nhiều khát khao, ước mơ, hoài bão. - Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	1.0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ đã cho ở đề bài.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: 1. Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại...; nêu nội dung cần phân tích, đánh giá 2. Phân tích, đánh giá về chủ đề: Thông qua bức tranh mùa hạ rực rỡ và tràn đầy sức sống; tác giả ca ngợi vẻ đẹp của tuổi trẻ, là tuổi của những ước mơ, khát khao, hoài bão. 3. Phân tích, đánh giá về nghệ thuật:	2.5

	<p>- Không gian nghệ thuật mở ra với những đặc trưng của mùa hạ: tiếng chim reo, trời xanh biếc, nắng tràn, biển xanh thẳm, cánh buồn lộng gió.... Đó là một không gian thoáng đãng, rộng lớn, nhộn nhịp, căng tràn sức sống.</p> <p>- Thời gian nghệ thuật: đó vừa là thời gian của đất trời trong mùa hạ, vừa là thời gian tuổi trẻ của mỗi con người, là thời gian của sự sinh sôi, rạo rực, say mê, xao động</p> <p>- Nghệ thuật sử dụng hình ảnh: sử dụng hàng loạt những hình ảnh đặc trưng của mùa hạ, cũng như của tuổi trẻ</p> <p>- Sử dụng các biện pháp tu từ: điệp từ ngữ, lặp cấu trúc, ẩn dụ, liệt kê...</p> <p>4. Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của bài thơ; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức bài thơ.</p>	
	d. Chính tả, ngữ pháp	0,25
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II-ĐỀ 4
NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Ngữ văn 10

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

THƠ DUYÊN

(1) Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên,
 Cây me ríu rít cặp chim chuyền.
 Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,
 Thu đến - nơi nơi động tiếng huyền.

(2) Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu,
 Lá lá cành hoang nắng trở chiều.
 Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn,
 Lần đầu rung động nỗi thương yêu.

(3) Em bước điềm nhiên không vướng chân,
 Anh đi lững đững chẳng theo gần.
 Vô tâm - nhưng giữa bài thơ dụ,
 Anh với em như một cặp vầng.

(4) Mây biếc về đâu bay gấp gấp,
 Con cò trên ruộng cánh phân vân.
 Chim nghe trời rộng giang thêm cánh,
 Hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần.

(5) Ai hay tuy lặng bước thu êm,
 Tuy chẳng bằng nhân gạ tổ niêm.
 Trông thấy chiều hôm ngơ ngẩn vậy,
 Lòng anh thôi đã cưới lòng em.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

- A. Tự do
- B. Lục bát
- C. Song thất lục bát
- D. Thất ngôn

Câu 2. Bài thơ trên viết về mùa nào trong năm ? (0,5 điểm)

- A. Mùa đông
- B. Mùa xuân
- C. Mùa thu
- D. Mùa hạ

Câu 3. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai ? (0,5 điểm)

- A. Anh
- B. Em
- C. Tác giả
- D. Người đọc

Câu 4. Khổ (1) của bài thơ miêu tả những âm thanh nào ? (0,5 điểm)

- A. Tiếng chim và tiếng đàn
- B. Tiếng chim và tiếng cười
- C. Tiếng cười và tiếng mưa rơi
- D. Tiếng chim và tiếng gió thổi

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói lên đặc điểm của bức tranh thiên nhiên trong khổ (1) và khổ (2) ? (0,5 điểm)

- A. Thiên nhiên tươi vui, tràn đầy sức sống
- B. Thiên nhiên thơ mộng, vạn vật giao hòa
- C. Thiên nhiên thơ mộng, vui tươi rộn rã
- D. Thiên nhiên tươi vui, vạn vật giao hòa

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói đúng về ý nghĩa của từ láy “lững lờ” trong khổ thơ thứ (3)? (0,5 điểm)

- A. Lững thững
- B. Hờ hững
- C. Dừng dưng
- D. Cả ba đáp án trên

Câu 7. Phát biểu nào sau đây miêu tả đúng về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ? (0,5 điểm)

- A. Rộn ràng hân hoan khi mùa thu tới
- B. Xúc động mãnh liệt trước sự giao hòa của thiên nhiên
- C. Sự rung động nhẹ nhàng trước một tình yêu vừa chớm
- D. Sự buồn bã, lo âu trước bước đi của thời gian

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Bạn hiểu như thế nào về chữ “duyên” trong nhan đề của bài thơ ? (0,5 điểm)

Câu 9. Từ nội dung bài thơ, bạn có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của những rung động đầu đời ? (1,0 điểm)

Câu 10. Nét độc đáo của Xuân Diệu trong bài thơ là đã dựng lên được một bức tranh mùa thu mà ở đó thiên nhiên và con người đều giao hòa với nhau. Bạn hãy viết khoảng 5 - 7 dòng để làm rõ nét độc đáo ấy.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Bạn hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài “Thơ Duyên” (Xuân Diệu)

ĐÁP ÁN ĐỀ 3

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0.5
	2	C	0.5
	3	A	0.5
	4	A	0.5
	5	B	0.5
	6	D	0.5
	7	C	0.5
	8	Chữ “duyên” trong nhan đề của bài thơ có thể hiểu là: sự hòa hợp giữa thiên nhiên với thiên nhiên, giữa thiên nhiên với con người và giữa anh và em.	0.5
	9	Học sinh tự do bày tỏ suy nghĩ, miễn là hợp lý. Tham khảo: - Những rung động đầu đời luôn trong trẻo, tinh khôi - Những rung động đầu đời luôn say đắm và ghi sâu vào kí ức, có thể sẽ theo ta mãi mãi - Những rung động đầu đời cho con người bắt đầu nếm trải vị ngọt ngào của tình yêu	1.0
	10	Tham khảo một số ý sau: - Những sự vật trong thiên nhiên được miêu tả đang giao hòa, xoắn luyến, giao tình với nhau: những nhánh duyên nên thơ hơn trong chiều mộng, cặp chim chuyền ríu rít, con đường xiêu cùng gió, cành hoang lả vào nắng. - Thiên nhiên và con người cũng trở nên hòa hợp: thiên nhiên trở thành bài thơ dịu để anh với em ghép thành một cặp vần - Con người với con người cũng giao hòa với nhau lòng ta nghe ý bạn, rung động nỗi thương yêu, là một cặp vần, là lòng anh thôi đã cưới lòng em	1.0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ đã cho ở đề bài.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: 1. Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại...; nêu nội dung cần phân tích, đánh giá 2. Phân tích, đánh giá về chủ đề: - Chủ đề của bài thơ tập trung ở chữ “duyên”. Dựa vào hình tượng thơ, có thể hiểu “duyên” ở đây theo nghĩa rộng, đó là sự hòa hợp giữa thiên nhiên với thiên nhiên, giữa thiên nhiên với con người và giữa anh và em. - Bài thơ thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhân vật trữ tình trước bức tranh mùa thu êm đềm, thơ mộng; đồng thời bộc lộ những rung động nhẹ nhàng trước một tình yêu vừa chớm. 3. Phân tích, đánh giá về nghệ thuật: - Nghệ thuật xây dựng hình ảnh: Trong bài thơ này, Xuân Diệu đã sáng tạo được những hình ảnh vô	2.5

	<p>cùng độc đáo để nói về mối hòa hợp kì diệu giữa thiên nhiên và thiên nhiên, giữa thiên nhiên và con người và giữa con người với nhau: Đó là những “chiều mộng”, “nhánh duyên” cho thấy cái thơ mộng của đất trời; đó là những “bài thơ dụ”, “cặp vần” cho thấy sự hòa hợp hiển nhiên, tất yếu của con người với nhau trong cái duyên lớn của trời đất.</p> <p>- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ:</p> <p>Nổi bật nhất là nghệ thuật sử dụng từ láy: Hàng loạt các từ láy: <i>rú rít, nhỏ nhỏ, xiêu xiêu, lả lả</i>... vừa gợi tả không khí tình tứ của buổi chiều thu, vừa gợi tả cái duyên đang thấm đẫm cả trời đất, khiến cho mọi vật cứ trở nên say đắm, tình tứ, như chực ngã vào nhau để giao duyên.</p> <p>- Nghệ thuật sử dụng các biện pháp tu từ:</p> <p>Để làm nổi bật chủ đề của bài thơ, tác giả đã cũng đã vận dụng và kết hợp nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, nhân hóa, đối... Tất cả những biện pháp đó đã góp phần thể hiện sự giao hòa của đất trời cũng như của lòng người.</p> <p>4. Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của bài thơ; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức bài thơ.</p>	
	d. Chính tả, ngữ pháp	0,25
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II-ĐỀ 5
NĂM HỌC 2023-2024
Môn: Ngữ văn 10

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tẩm ngấm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: lão vừa xin tôi một ít bã chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm:

- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xoi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy !... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó !... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư ? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

Không ! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì

thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi mốt chạy sang (...) Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. (...) Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu...

(Trích *Lão Hạc*, Nam Cao – Tác phẩm, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội, 1975)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích là: (0,5 điểm)

- A. Miêu tả
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Thuyết minh

Câu 2. Đoạn trích trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Đan xen giữa ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Nhân vật trung tâm của đoạn trích trên là ai? (0,5 điểm)

- A. Nhân vật “tôi”
- B. Nhân vật lão Hạc
- C. Nhân vật Binh Tư
- D. Vợ của nhân vật “tôi”

Câu 4. Đây là sự kiện chính của đoạn trích nói trên? (0,5 điểm)

- A. Lão Hạc từ chối sự giúp đỡ của nhân vật “tôi”
- B. Nhân vật “tôi” hiểu lầm Lão Hạc
- C. Lão Hạc xin Binh Tư bả chó
- D. Lão Hạc ăn bả chó để tự tử

Câu 5. Nhân vật “tôi” có thái độ như thế nào đối với Lão Hạc? (0,5 điểm)

- A. Kính trọng
- B. Thất vọng
- C. Khinh bỉ
- D. Xa lánh

Câu 6. Cái chết của lão Hạc phản ánh bi kịch gì của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám? (0,5 điểm)

- A. Bi kịch bị tha hóa
- B. Bi kịch bị lưu manh hóa
- C. Bi kịch bị bần cùng hóa
- D. Bi kịch bị cự tuyệt

Câu 7. Giá trị nào của văn học được thể hiện rõ nét ở đoạn trích nói trên? (0,5 điểm)

- A. Giá trị nhận thức
- B. Giá trị nhân đạo
- C. Giá trị giáo dục
- D. Giá trị thẩm mỹ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Theo bạn, tình tiết nào giúp tạo nên sự kịch tính cho văn bản? Vì sao? (0,5 điểm)

Câu 9. Từ văn bản trên, bạn rút ra được bài học gì khi đánh giá một con người? (1,0 điểm)

Câu 10. Nêu cảm nhận của bạn về vẻ đẹp nhân cách của nhân vật lão Hạc được thể hiện ở đoạn trích trên. (Viết khoảng 5 - 7 dòng)

II. LÀM VĂN

Bạn hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong một truyện ngắn mà bạn yêu thích.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	B	0.5
	4	D	0.5
	5	A	0.5
	6	C	0.5
	7	B	0.5
	8	Học sinh tự do lựa chọn tình tiết, miễn là có lí giải thuyết phục. Tham khảo: Tình tiết Lão Hạc xin bả chó của Bình Tư. Vì nó gây ra sự hiểu lầm và thất vọng cho nhân vật tôi. Để rồi, khi hiểu ra sự thật, nhân vật tôi sẽ lại càng thêm kính trọng lão Hạc.	0.5
	9	Bài học: Khi đánh giá một con người, chúng ta cần cân trọng, không nên vội vàng; phải giữ vững niềm tin vào bản chất tốt đẹp, tính bản thiện của con người.	1.0
	10	Tham khảo một số ý sau: - Dù nghèo những giàu lòng tự trọng: + Không nhận sự giúp đỡ từ nhân vật tôi + Nhịn ăn để tiền làm ma vì không dám liên lụy đến hàng xóm, láng giềng. - Giàu tình thương: + Khóc vì trót lừa một con chó + Quyết chết để giữ lại mảnh vườn cho con trai	1.0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong một truyện ngắn mà bạn yêu thích. Ở đây xin chọn phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: 1. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm 2. Khái quát chủ đề của truyện: - Phản ánh bi kịch bán con chó của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám. - Thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao. 3. Phân tích nhân vật lão Hạc: là nhân vật giúp thể hiện chủ đề của tác phẩm. a. Tóm tắt sơ lược hoàn cảnh nhân vật: Là người nông dân nghèo, lương thiện, bị bán con chó đến mức phải bán con chó mà lão thương yêu, và cuối cùng, vì quyết để lại mảnh vườn cho con trai lấy vợ, đã phải ăn bả chó tự vẫn. b. Phân tích nhân vật trong mối quan hệ với chủ đề tác phẩm:	2.5

	<p>- Lão Hạc là nhân vật điển hình cho quá trình biến cùng hóa của người nông dân trước Cách mạng:</p> <p>+ Vợ mất sớm, một mình nuôi con khôn lớn.</p> <p>+ Tài sản trong nhà không có gì ngoài ba sào vườn, một túp lều nhỏ và một con chó.</p> <p>+ Không có tiền cho con trai cưới vợ, người con trai bỏ đi đồn điền cao su, bỏ lại lão sống một mình.</p> <p>+ Sau một trận ốm, trong nhà không còn gì để ăn, lão quyết định bán cậu Vàng - kỉ vật mà anh con trai để lại, không chỉ là một con vật mà còn giống như một người bạn.</p> <p>+ Cuối cùng, vì tự trọng và vì khốn quẫn, lão đã phải ăn bả chó để tự tử.</p> <p>- Lão Hạc là nhân vật thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao:</p> <p>+ Ông đã làm toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân: dù nghèo nhưng họ giàu tình yêu thương, đầy tinh thần trách nhiệm và lòng tự trọng.</p> <p>+ Nam Cao đã thể hiện sự đồng cảm, xót thương với bi kịch của lão Hạc, được gửi gắm qua lời của nhân vật ông giáo</p> <p>+ Gián tiếp lên án, tố cáo xã hội đương thời đã đẩy người nông dân vào cảnh cùng đường.</p> <p>4. Khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghị luận.</p>	
	d. Chính tả, ngữ pháp	0,25
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II-ĐỀ 1
NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Ngữ văn 10

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Chẳng ai muốn làm hành khất
 Tội trời đày ở nhân gian
 Con không được cười giễu họ
 Dù họ hôi hám úa tàn
 Nhà mình sát đường, họ đến
 Có cho thì có là bao
 Con không bao giờ được hỏi
 Quê hương họ ở nơi nào
 Con chó nhà mình rất hư
 Cứ thấy ăn mày là cắn
 Con phải răn dạy nó đi
 Nếu không thì con đem bán
 Mình tạm gọi là no ấm
 Ai biết cơ trời vẫn xoay
 Lòng tốt gửi vào thiên hạ
 Biết đâu nuôi bố sau này...

Cửa Lục Thủy, 13-11-1991

(Dẫn con, Trần Nhuận Minh *, trích 100 bài thơ hay nhất thế kỉ XX, NXB Giáo dục, 2008, tr.61) * Trần Nhuận Minh sinh năm 1944, quê ở Hải Dương, hiện đang sống và viết tại Quảng Ninh. Thơ ông giản dị, hàm súc,

giàu chất nhân văn. Các tác phẩm chính: *Đấy là tình yêu* (1971); *Âm điệu một vùng đất* (1980); *Nhà thơ và hoa cỏ* (1993)...

Lựa chọn phương án đúng:

Câu 1: Văn bản trên thuộc loại nào?

- A. Văn bản nghị luận.
- B. Văn bản thông tin.
- C. Văn bản văn học.
- D. Văn bản đa phương thức.

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

- A. Nghị luận.
- B. Miêu tả.
- C. Thuyết minh.
- D. Biểu cảm.

Câu 3: Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là ai?

- A. Người bố.
- B. Người con.
- C. Người hành khất.
- D. Bố và con.

Câu 4: Câu thơ nào sau đây thể hiện rõ nhất hình ảnh người hành khất?

- A. *Dù họ hôi hám úa tàn*
- B. *Nhà mình sát đường, họ đến*
- C. *Mình tạm gọi là no ấm*
- D. *Lòng tốt gửi vào thiên hạ*

Câu 5: Nêu tác dụng của việc sử dụng từ Hán Việt *hành khất* trong bài thơ.

- A. Tạo sắc thái trầm buồn, thể hiện sự tiếc thương, đau đớn đối với những người bất hạnh.
- B. Tạo sắc thái trang trọng, thể hiện sự đồng cảm, tôn trọng đối với những người bất hạnh.
- C. Tạo sắc thái trang trọng, thể hiện sự tôn kính, ngưỡng mộ đối với những người bất hạnh.
- D. Tạo sắc thái gần gũi, thể hiện sự ngưỡng mộ, trân trọng đối với những người bất hạnh.

Câu 6: Dòng nào sau đây thể hiện đúng nội dung của những câu thơ cuối bài:

*Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vẫn xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...*

- A. Tương lai đen tối, nhiều trở ngại, cần có sự tính toán kĩ lưỡng từ hôm nay.
- B. Cuộc sống nhiều khó khăn, thử thách, cha sẵn sàng hi sinh tất cả vì tương lai của con.
- C. Không ai đoán biết trước được tương lai, vì vậy chỉ cần sống cho hôm nay.
- D. Cuộc sống không ngừng thay đổi, thương người hôm nay là thương mình ngày mai.

Trả lời các câu hỏi:

Câu 7. Bài thơ gợi cho anh/chị nhớ đến tác phẩm nào trong chương trình Ngữ văn THCS? **Câu 8.** Cảm nhận của anh/chị về nhân vật người cha qua những lời dặn dò con.

Câu 9. Từ nội dung bài thơ, anh/ chị suy nghĩ gì về cách đối xử với những người bất hạnh trong cuộc sống? (Trả lời trong 4-5 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1. Viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Dặn con* (Trần Nhuận Minh).

Đề 2. Từ đoạn trích phần Đọc hiểu, viết một bài luận (khoảng 500 chữ) thể hiện vai trò của lòng tự trọng đối với mỗi con người trong cuộc sống.

===== **Hết** =====

(Hướng dẫn chấm có 03 trang) **Môn: Ngữ văn 10**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	C	0.5
	2	D	0.5
	3	A	0.5
	4	A	0.5
	5	B	0.5
	6	D	0.5
	7	Học sinh có thể trả lời theo hướng: Bài thơ gợi nhớ đến tác phẩm <i>Nói với con</i> của nhà thơ Y Phương. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đúng tên tác phẩm và tác giả đạt: 1.0 điểm - HS trả lời đúng tên tác phẩm hoặc tác giả đạt 0.5 điểm	1.0
	8	Cảm nhận về nhân vật người cha qua những lời dặn dò con: HS có thể trả lời theo hướng: Là người có tấm lòng nhân ái, lối ứng xử tinh tế, trải đời, yêu thương con, có cách giáo dục con đúng đắn, gần gũi, nhẹ nhàng, nhưng nghiêm khắc, sâu sắc... Hướng dẫn chấm: - HS có cách diễn đạt tương đương, sử dụng các từ đồng nghĩa, gần nghĩa vẫn đạt điểm tối đa.	1.0
	9	HS trình bày được suy nghĩ cá nhân, có lí giải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Có thể trả lời theo hướng: Cần đối xử một cách trân trọng, yêu thương, đồng cảm, bao dung, sẻ chia, giúp đỡ... đối với những người bất hạnh trong cuộc sống. Hướng dẫn chấm: - HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa.	1.0
II		VIẾT	4.0
	1	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ <i>Dặn con</i> .	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:	2.5
		* Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ <i>Dặn con</i> (tác giả Trần Nhuận Minh), thể loại, hoàn cảnh ra đời, đề tài, ý nghĩa nhan đề ...)	

* Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

+ Nội dung: Khắc họa bức chân dung người hành khất *hôi hám úa tàn* với thái độ trân trọng, cảm thông, bài thơ là lời dặn dò chân thành, tha thiết của người cha đối với con về lòng nhân ái, sự bao dung, sẻ chia, đồng cảm..., về cách ứng xử đúng đắn, có văn hóa trước những số phận bất hạnh, kém may mắn trong cuộc đời; đồng thời thể hiện sự chiêm nghiệm sâu sắc, tinh tế của nhà thơ về giá trị của việc cho đi, của lối sống tình nghĩa, thương người, thương đời... + Nghệ thuật: Thể thơ tự do phóng khoáng, linh hoạt với nhịp điệu chậm rãi, hình ảnh thơ dung dị, tự nhiên, giọng điệu chân thành, nhẹ nhàng, giàu xúc cảm, sâu lắng, cùng việc sử dụng kết hợp các từ

Hán Việt, phép điệp cấu trúc, nhân hóa... đã thể hiện được những đặc trưng của thể loại thơ trữ tình.

* Khẳng định giá trị tư tưởng và thẩm mỹ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ: Thể hiện triết lý sống đúng đắn, tích cực, nhân văn, tác phẩm đã thành công khắc họa vẻ đẹp tâm hồn, làm rõ hơn phong cách sáng tác của nhà thơ Trần Nhuận Minh .

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận

Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.

b. Xác định đúng yêu cầu của đề.

Vai trò của lòng tự trọng đối với mỗi con người trong cuộc sống.

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm

HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:

* Giới thiệu vấn đề cần bàn luận

* Giải thích

2 - Lòng tự trọng là sự ý thức, coi trọng, tin tưởng, bảo vệ, biết nỗ lực phát huy, khẳng định năng lực, giá trị, danh dự, phẩm chất, nhân cách của chính bản thân.

-> Đây là một đức tính quan trọng, mang lại nhiều ý nghĩa tích cực cho con người.

* Thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm về vai trò của lòng tự trọng

- Lòng tự trọng là thước đo, là tiêu chí làm nên giá trị của một con người.

- Xuất phát từ sự thấu hiểu và trân trọng chính mình, lòng tự trọng giúp ta sống đúng lương tâm, trách nhiệm, đạo đức, pháp luật; nhận ra những hạn chế của chính mình, không ngừng hoàn thiện bản thân; có thái độ ứng xử đúng đắn, nhân văn; luôn được mọi người tin tưởng, yêu thương...

- Chứng minh: Nêu và phân tích các ví dụ trong cuộc sống.

- Cần phân biệt giữa tự trọng và tự cao, tự đại, tự phụ ... vốn là những thói quen xấu đối với con người; không nên vì những lợi ích trước mắt của bản thân mà tự hạ thấp mình, đánh mất đi lòng tự trọng vốn có,...

* Khẳng định ý nghĩa, nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong việc giữ gìn, tạo lập lòng tự trọng ở mỗi người.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn

đạt mới mẽ.